

Số: 1229/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao một số chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương năm 2024

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp; Quyết định số 19/2023/QĐ-TTg ngày 02/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/BCSD ngày 29/3/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 3011/QĐ-BTP ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm trong lĩnh vực thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ 3.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương năm 2024 như sau:

1. Phân đầu nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tổ chức thi hành án dân sự (THADS), trong đó:

a. Ra quyết định thi hành án (THA) đúng quy định của pháp luật 100% đối với bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực pháp luật.

b. Đảm bảo tỷ lệ thi hành án xong trên 83,25% về việc và trên 46,45% về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành (được ban hành tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Quyết định này).

c. Thi hành có hiệu quả các khoản thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, đặc biệt là các vụ việc thuộc diện Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo.

d. Kết quả THA liên quan đến các khoản nợ của các tổ chức tín dụng, các khoản thu cho ngân sách nhà nước đảm bảo đạt tỷ lệ thi hành xong về việc, về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành cao hơn năm 2023.

2. Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến THA hành chính thuộc trách nhiệm của Hệ thống THADS và Bộ Tư pháp. Theo dõi 100% Bản án hành chính phải theo dõi theo quy định của pháp luật. Tăng cường chấp hành kiến nghị xử lý đối với các trường hợp chậm THA hoặc chấp hành không đầy đủ nội dung bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

3. Bảo đảm xác minh, phân loại chính xác, đúng pháp luật việc THADS có điều kiện thi hành và chưa có điều kiện thi hành. Đăng tải kịp thời, đầy đủ, đúng quy định thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành lên Cổng thông tin điện tử THADS.

4. Trả lời bảo đảm chất lượng, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn 100% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Chấp hành viên, cơ quan THADS cấp dưới.

5. Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng quy định của pháp luật; giải quyết dứt điểm 100% số đơn thư khiếu nại, tố cáo từ năm 2023 chuyển sang; giải quyết xong các vụ việc thuộc thẩm quyền mới phát sinh trong năm 2024 đạt tỉ lệ ít nhất 95%. Hạn chế phát sinh vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính trong hoạt động THADS; giải quyết các vụ việc đã phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bảo đảm tài chính đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải pháp thực hiện:

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trưởng Cục THADS, Chi cục trưởng Chi cục THADS cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả Chương trình trọng tâm Ban hành kèm theo Quyết định số 3011/QĐ-BTP ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; căn cứ tình hình thực tiễn, cụ thể hóa giải pháp (được ban hành tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này), tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục THADS, Cục trưởng Cục THADS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ 3 chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục có trách nhiệm giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS, theo dõi

THA hành chính năm 2024 và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Cục THADS các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cục trưởng Cục THADS hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục THADS trực thuộc và Chấp hành viên thuộc Cục THADS.

4. Chi cục trưởng Chi cục THADS hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên do Chi cục quản lý.

5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là cơ sở để đánh giá công chức, chi thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành và xét đề nghị xếp hạng, bình xét thi đua khen thưởng năm 2024 đối với các cơ quan THADS, Chấp hành viên.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố (để ph/h chỉ đạo);
- Văn phòng Bộ (để phối hợp);
- Cục KHTC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ TCCB - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Thanh tra Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng (để phối hợp);
- Công Thông tin điện tử Thi hành án dân sự (để đăng tải);
- Lưu: VT, NV3.



Nguyễn Quang Thái

PHỤ LỤC 1
BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-TCTHADS ngày 28/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

| TT | Đơn vị | Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành |
|-----------|---------------|---|
| 1 | An Giang | 83,45% |
| 2 | Bắc Giang | 83,45% |
| 3 | Bắc Kạn | 83,65% |
| 4 | Bạc Liêu | 83,45% |
| 5 | Bắc Ninh | 83,35% |
| 6 | Bến Tre | 83,25% |
| 7 | Bình Định | 83,45% |
| 8 | Bình Dương | 83,25% |
| 9 | Bình Phước | 83,25% |
| 10 | Bình Thuận | 83,35% |
| 11 | BR-Vũng Tàu | 83,45% |
| 12 | Cà Mau | 83,25% |
| 13 | Cần Thơ | 83,25% |
| 14 | Cao Bằng | 83,65% |
| 15 | Đà Nẵng | 83,25% |
| 16 | Đắk Lắk | 83,45% |
| 17 | Đắk Nông | 83,25% |
| 18 | Điện Biên | 83,65% |
| 19 | Đồng Nai | 83,35% |
| 20 | Đồng Tháp | 83,35% |
| 21 | Gia Lai | 83,25% |
| 22 | Hà Giang | 83,65% |
| 23 | Hà Nam | 83,65% |
| 24 | Hà Nội | 83,45% |
| 25 | Hà Tĩnh | 83,65% |
| 26 | Hải Dương | 83,55% |
| 27 | Hải Phòng | 83,25% |

| | | |
|----|-------------|--------|
| 28 | Hậu Giang | 83,35% |
| 29 | Hồ Chí Minh | 83,25% |
| 30 | Hòa Bình | 83,65% |
| 31 | Hưng Yên | 83,65% |
| 32 | Khánh Hòa | 83,35% |
| 33 | Kiên Giang | 83,35% |
| 34 | Kon Tum | 83,55% |
| 35 | Lai Châu | 83,65% |
| 36 | Lâm Đồng | 83,25% |
| 37 | Lạng Sơn | 83,65% |
| 38 | Lào Cai | 83,65% |
| 39 | Long An | 83,25% |
| 40 | Nam Định | 83,45% |
| 41 | Nghệ An | 83,25% |
| 42 | Ninh Bình | 83,65% |
| 43 | Ninh Thuận | 83,65% |
| 44 | Phú Thọ | 83,45% |
| 45 | Phú Yên | 83,30% |
| 46 | Quảng Bình | 83,65% |
| 47 | Quảng Nam | 83,55% |
| 48 | Quảng Ngãi | 83,55% |
| 49 | Quảng Ninh | 83,55% |
| 50 | Quảng Trị | 83,65% |
| 51 | Sóc Trăng | 83,35% |
| 52 | Sơn La | 83,65% |
| 53 | Tây Ninh | 83,25% |
| 54 | Thái Bình | 83,65% |
| 55 | Thái Nguyên | 83,45% |
| 56 | Thanh Hóa | 83,25% |
| 57 | Tiền Giang | 83,25% |
| 58 | Trà Vinh | 83,35% |
| 59 | TT Huế | 83,65% |
| 60 | Tuyên Quang | 83,65% |
| 61 | Vĩnh Long | 83,35% |
| 62 | Vĩnh Phúc | 83,55% |
| 63 | Yên Bái | 83,65% |

PHỤ LỤC 2
BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-TCTHADS ngày 28/12/2023
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

| TT | Đơn vị | Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành |
|----|-------------|--|
| 1 | An Giang | 46,65% |
| 2 | Bắc Giang | 46,75% |
| 3 | Bắc Kạn | 46,85% |
| 4 | Bạc Liêu | 46,75% |
| 5 | Bắc Ninh | 46,55% |
| 6 | Bến Tre | 46,65% |
| 7 | Bình Định | 46,75% |
| 8 | Bình Dương | 46,55% |
| 9 | Bình Phước | 46,75% |
| 10 | Bình Thuận | 46,75% |
| 11 | BR-Vũng Tàu | 46,55% |
| 12 | Cà Mau | 46,55% |
| 13 | Cần Thơ | 46,45% |
| 14 | Cao Bằng | 46,85% |
| 15 | Đà Nẵng | 46,45% |
| 16 | Đắk Lắk | 46,75% |
| 17 | Đắk Nông | 46,45% |
| 18 | Điện Biên | 46,85% |
| 19 | Đồng Nai | 46,65% |
| 20 | Đồng Tháp | 46,75% |
| 21 | Gia Lai | 46,75% |
| 22 | Hà Giang | 46,75% |
| 23 | Hà Nam | 46,85% |
| 24 | Hà Nội | 46,45% |
| 25 | Hà Tĩnh | 46,85% |
| 26 | Hải Dương | 46,55% |
| 27 | Hải Phòng | 46,55% |

| | | |
|----|-------------|--------|
| 28 | Hậu Giang | 46,75% |
| 29 | Hồ Chí Minh | 46,45% |
| 30 | Hòa Bình | 46,85% |
| 31 | Hung Yên | 46,75% |
| 32 | Khánh Hòa | 46,55% |
| 33 | Kiên Giang | 46,65% |
| 34 | Kon Tum | 46,85% |
| 35 | Lai Châu | 46,85% |
| 36 | Lâm Đồng | 46,45% |
| 37 | Lạng Sơn | 46,85% |
| 38 | Lào Cai | 46,85% |
| 39 | Long An | 46,45% |
| 40 | Nam Định | 46,75% |
| 41 | Nghệ An | 46,75% |
| 42 | Ninh Bình | 46,85% |
| 43 | Ninh Thuận | 46,85% |
| 44 | Phú Thọ | 46,45% |
| 45 | Phú Yên | 46,45% |
| 46 | Quảng Bình | 46,45% |
| 47 | Quảng Nam | 46,65% |
| 48 | Quảng Ngãi | 46,75% |
| 49 | Quảng Ninh | 46,65% |
| 50 | Quảng Trị | 46,85% |
| 51 | Sóc Trăng | 46,75% |
| 52 | Sơn La | 46,85% |
| 53 | Tây Ninh | 46,75% |
| 54 | Thái Bình | 46,85% |
| 55 | Thái Nguyên | 46,75% |
| 56 | Thanh Hóa | 46,75% |
| 57 | Tiền Giang | 46,55% |
| 58 | Trà Vinh | 46,85% |
| 59 | TT Huế | 46,85% |
| 60 | Tuyên Quang | 46,85% |
| 61 | Vĩnh Long | 46,75% |
| 62 | Vĩnh Phúc | 46,85% |
| 63 | Yên Bái | 46,85% |